

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 204/2023/HS-ST
Ngày 30/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Bạch Gương.
2. Ông Nguyễn Thế Phương.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 180/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Tấn T, sinh ngày 24/7/1993 tại tỉnh Bình Dương. Hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Phạm Tấn T1, sinh năm 1970; Mẹ: Phan Thị V, sinh năm 1971; Bị cáo có vợ là Văn Thị Mỹ L, sinh năm 1993 (đã ly hôn) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án 04/2019/HSST bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 29/4/2023.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/6/2023, chuyển tạm giam từ ngày 25/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ A, Khu phố E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Tấn T là người nghiện ma túy. T quen biết với Pé B (không rõ nhân thân, lai lịch) là người bán ma túy tổng hợp. Quá trình quen biết, T và Pé B thỏa thuận việc khi T giới thiệu người mua ma túy cho Pé B thì sẽ được Pé B trả tiền công, mời đi nhậu hoặc cho sử dụng ma túy miễn phí.

Khoảng tối ngày 18/6/2023, T đi nhậu với người bạn xã hội tên P (không rõ nhân thân, lai lịch), P hỏi T có biết ai bán ma túy thì mua cho P 02 (hai) chাম ma túy khay và 04 (bốn) viên thuốc lắc. T đồng ý và gọi điện thoại cho Pé B báo có người hỏi mua ma túy với số lượng như trên, Pé B báo giá là 3.700.000đ (ba triệu bảy trăm nghìn đồng). T báo giá lại cho P và nhận 3.700.000đ (ba triệu bảy trăm nghìn đồng) của P và hẹn giao ma túy cho P tại đường L thuộc phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau đó, T đi đến khu vực chung cư A thuộc thành phố B, tỉnh Đồng Nai, giao tiền cho Pé B và nhận ma túy, cất giấu vào lòng bàn tay phải rồi đi đến khu vực đường L thuộc phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để giao ma túy cho P. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 19/6/2023, khi T đang cầm gói ma túy trong lòng bàn tay phải và đứng đợi P đến để bán ma túy tại địa điểm nêu trên thì bị công an bắt quả tang và thu giữ: 01 (một) gói nylon hàn kín bên trong có chứa 01 (một) gói nylon hàn kín, bên trong có chứa chất kết tinh không màu trong suốt và 04 (bốn) viên nén hình tròn màu xanh; 01 (một) điện thoại di động, màu đen, có dòng chữ Iphone, đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô BKS: 60H1-559.01.

Tại Kết luận giám định số 301/KLGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: 01 gói nylon hàn kín chứa chất kết tinh không màu, trong suốt có khối lượng 2,3770 gam, là ma túy, loại Ketamine; 04 viên nén hình tròn, màu xanh lá có khối lượng 1,3208 gam, là ma túy, loại MDMA. Căn cứ khoản 1, khoản 2, Điều 5 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP, ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015, xác định tổng tỷ lệ phần trăm 2,3770 gam, loại Ketamine và 1,3208 gam, loại MDMA mà Phạm Tấn T đã mua bán như sau: Tỷ lệ phần trăm khối lượng của Ketamine so với mức tối thiểu chất này quy định tại điểm n khoản 2 Điều 251 của BLHS là: $(2,3770:20) \times 100\% = 11,88\%$; Tỷ lệ phần trăm khối lượng của MDMA so với mức tối thiểu chất này quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của BLHS là: $(1,3208: 5) \times 100\% = 26,41\%$. Tổng tỷ lệ phần trăm các chất ma túy nêu trên là: $11,88\% + 26,41\% = 38,92\%$, thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Việc xử lý vật chứng: Đối với 01 phong bì niêm phong chất ma túy đề số 301, ngày 28/6/2023 của Phòng K Công an tỉnh B, bên trong chứa mẫu vật còn lại sau giám định; 01 (một) điện thoại di động có dòng chữ IPHONE màu đen đã qua sử dụng hiện đã được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ bảo quản, chờ xử lý.

Đối với xe mô tô BKS: 60H1-559.01 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn V1, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho ông V1 theo Quyết định xử lý vật chứng số 72/QĐ ngày 14/9/2023.

Tại bản cáo trạng số 177/CT-VKS-PM ngày 10/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ đã truy tố Phạm Tấn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Luận tội của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Phạm Tấn T từ 03 đến 04 năm tù. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định; tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động có dòng chữ Iphone.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo không có ý kiến gì về luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi cũng như quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tội danh và khung hình phạt:

Về tội danh: Lời khai nhận tội tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, kết luận giám định cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 19/6/2023, tại đường L thuộc khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Phạm Tấn T có hành vi tàng trữ trái phép 2,3770 gam, qua giám định là chất ma túy, loại Ketamine và 1,3208 gam, qua giám định là chất ma túy, loại MDMA nhằm mục đích bán cho người đàn ông tên P thì bị bắt quả tang. Do đó, hành vi của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm được quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự

[2.2 Về khung hình phạt: Tổng tỷ lệ % của các chất ma túy trên tính theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 5 của Nghị định 19/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ là 38,92% (dưới 100%). Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc Khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định bản cáo trạng số 177/CT-VKS-PM ngày 10/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ đã truy tố Phạm Tấn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; xâm phạm trật tự an toàn xã hội và gây ảnh hưởng xấu đến đời sống của nhân dân. Do vậy, đối với bị cáo cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục riêng cũng như phòng ngừa tội phạm chung.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về tình tiết tăng nặng: Năm 2019, Phạm Tấn T bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 29/4/2023, chưa được xoá án tích. Như vậy, bị cáo đã bị kết án, chưa được xoá án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự thì lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là người nghiện ma túy, không có việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với người đàn ông tên P và người phụ nữ tên Pé B đã giao, mua ma túy của bị cáo (không rõ nhân thân lai lịch): Cơ quan an ninh điều tra Công an thị xã P tiếp tục điều tra, xác minh nhân thân, lai lịch và hành vi vi phạm. Khi có kết quả sẽ xử lý theo quy định pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Số ma túy còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ cần tịch thu, tiêu huỷ. Một điện thoại có dòng chữ Iphone là phương tiện bị cáo liên hệ thực hiện tội phạm nên tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối với mô tô BKS: 60H1-559.01 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn V1, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho ông V1 là đúng quy định.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Tấn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Phạm Tấn T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày ngày 19/6/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong vụ số 301 ngày 28/6/2023 của Phòng K - Công an tỉnh B;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động có dòng chữ Iphone, màu đen, không tìm thấy số I, màn hình đã hư hỏng bị nứt vỡ, máy đã cũ và không hoạt động.

(Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án thị xã Phú Mỹ đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 19/BB-CCTHADS ngày 31/10/2023 giữa Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, buộc bị cáo Phạm Tấn T phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/11/2023), bị cáo được quyền kháng cáo bản án (đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Công an thị xã Phú Mỹ;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Phòng PV06 Công an tỉnh BR-VT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Huyền